

ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH  
HUYỆN ỦY NAM TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

\*

Số 1186/CV/HU

Nam Trực, ngày 22 tháng 4 năm 2020

V/v sơ kết thực hiện Quy định số 11-  
QĐi/TW ngày 18/02/2019  
của Bộ Chính trị

Kính gửi: - Các Ban xây dựng Đảng,  
- Đảng ủy các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 1006-CV/TU ngày 8/4/2020 của Tỉnh ủy v/v tiếp tục thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị; Công văn số 1009-CV/TU ngày 10/4/2020 của Tỉnh ủy Nam Định về việc báo cáo sơ kết thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân.

Ban Thường vụ Huyện ủy yêu cầu các đơn vị nêu trên căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thực hiện các nội dung sau:

- Báo cáo sơ kết thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân từ khi triển khai thực hiện đến hết ngày 31/3/2020 (theo đề cương gợi ý và phụ lục gửi kèm); báo cáo gửi về Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Văn phòng HU-HĐND-UBND huyện) trước 15 giờ, ngày 28/4/2020 để tổng hợp báo cáo Ban thường vụ Tỉnh ủy.

- Định kỳ hàng tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm hoặc đột xuất của đồng chí Bí thư Đảng ủy phải báo cáo tình hình, kết quả tiếp dân và xử lý, giải quyết những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân với Ban thường vụ Huyện ủy (có biểu mẫu theo Công văn số 1006-CV/TU ngày 8/4/2020 kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh, PVP;
- Lưu: Văn phòng HU-HĐND-UBND huyện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Lê Quang Huy





## **ĐỀ CƯƠNG**

**Báo cáo sơ kết thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân từ khi triển khai thực hiện đến 31/3/2020**

*(Gửi kèm Công văn số 1009-CV/TU ngày 10/4/2020  
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

### **I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN QUY ĐỊNH SỐ 11-QĐi/TW**

#### **1. Việc phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện**

- Các hình thức được cấp ủy, tổ chức đảng triển khai phổ biến, quán triệt (hội nghị, phát hành tài liệu, qua phương tiện thông tin đại chúng...)

- Số lượng các hội nghị, số lượt người tham dự phổ biến, quán triệt, số tài liệu được phát hành.

- Đánh giá sự chuyển biến về nhận thức sau phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện (nhận thức của người đứng đầu, tập thể cấp ủy, đảng viên, chính quyền, cán bộ, công chức về vị trí, vai trò của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân).

#### **2. Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy**

Sự quan tâm sâu sát, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc giải quyết hoặc trực tiếp giải quyết theo thẩm quyền của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân.

#### **3. Ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo**

Các văn bản do cấp ủy, tổ chức đảng ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW (xây dựng phụ lục liệt kê các loại văn bản này gửi kèm theo báo cáo); đánh giá tính kịp thời, sự phù hợp của văn bản được ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo.

#### **4. Công tác kiểm tra, giám sát về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân**

- Công tác hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên với ủy ban kiểm tra cấp dưới thực hiện công tác kiểm tra việc người đứng đầu cấp ủy tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân.



- Kết quả công tác kiểm tra (số cuộc kiểm tra, kết quả phát hiện người đứng đầu cấp ủy thiếu trách nhiệm hoặc buông lỏng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát hoặc vi phạm quy định của Đảng, Nhà nước về tiếp dân, đối thoại, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân.

## **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phân công nhiệm vụ**

Việc phân công văn phòng cấp ủy chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp tiếp nhận, xử lý thông tin, báo cáo và theo dõi, tổng hợp, tham mưu cho người đứng đầu cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp dân, tiếp và đối thoại trực tiếp với dân.

### **2. Nghiên cứu tham mưu**

- Việc phân loại, đánh giá phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trước khi người đứng đầu cấp ủy tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân; việc rà soát những vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài, các phản ánh, kiến nghị nổi cộm để tham mưu người đứng đầu cấp ủy ưu tiên tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và hiệu quả xử lý của người đứng đầu cấp ủy, nhất là việc giải quyết, chỉ đạo giải quyết để chấm dứt vụ việc ngay từ cơ sở, ngay từ lần đầu thụ lý giải quyết.

- Đánh giá tình trạng người dân sau khi đã được cấp có thẩm quyền giải quyết nhưng vẫn cố tình gửi đơn nhiều lần, vượt cấp, mong muốn gặp người đứng đầu cấp ủy để “cầu may” tác động có lợi cho mình; vì sao người dân ít lựa chọn giải quyết ở tòa án nhân dân khi có thể khởi kiện hoặc được hướng dẫn khởi kiện ra tòa.

### **3. Công tác phối hợp**

Việc xây dựng, ban hành quy chế phối hợp, thực hiện phối hợp giữa các cấp, các ngành tại địa phương; tỉnh với địa phương trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là chế độ thông tin, thống nhất quan điểm xử lý và phát ngôn trong tiếp dân, đối thoại với dân.

### **4. Điều kiện bảo đảm thực hiện**

Việc bố trí thời gian, địa điểm tiếp dân, cơ sở vật chất, trụ sở tiếp công dân, trang thiết bị làm việc tạo điều kiện thuận lợi cho dân phản ánh, kiến nghị, tố cáo.



## **5. Thực hiện chế độ báo cáo và một số nội dung cụ thể**

Việc thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm hoặc đột xuất theo quy định, nhất là báo cáo của cấp huyện, xã; việc thực hiện thông báo bằng văn bản đến người gửi thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo về việc tiếp dân, chỉ đạo xử lý, giải quyết của người đứng đầu cấp ủy theo Điều 6<sup>1</sup> Quy định số 11-QĐi/TW.

## **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

Báo cáo và tập hợp theo biểu mẫu đính kèm Công văn số 1006-CV/TU, ngày 8/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

Đánh giá những ưu điểm nổi bật trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ.

### **2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

#### **2.1. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

Nêu những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Quy định số 11-QĐi/TW; việc thực hiện chế độ báo cáo, những điểm chưa rõ cần giải thích, bổ sung đối với biểu mẫu gửi kèm Công văn số 1006-CV/TU, ngày 8/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị.

#### **2.2. Nguyên nhân**

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

#### **2.3. Bài học kinh nghiệm**

## **V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ**

Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới để phát huy kết quả, khắc phục hạn chế trong việc thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW.

## **VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

<sup>1</sup> Khoản 2 Điều 6 Quy định số 11-QĐi/TW: “Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo do người đứng đầu cấp ủy chuyên, chỉ đạo giải quyết, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền giải quyết có văn bản báo cáo người đứng đầu cấp ủy và thông báo bằng văn bản cho người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo biết về kết quả tiếp nhận để giải quyết và chỉ đạo giải quyết”.



Người ký: Tỉnh ủy Nam Định  
Email: Vanthu1\_VPTU@TUNamDinh  
Cơ quan: Tỉnh ủy Nam Định  
Thời gian ký: 09.04.2020 15:27:48 +07:00

**TỈNH ỦY NAM ĐỊNH**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

\*

Số 1006-CV/TU

Nam Định, ngày 08 tháng 4 năm 2020

"V/v tiếp tục thực hiện Quy định  
số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019

HUYỆN ỦY NAM TRỰC

của Bộ Chính trị"

**CÔNG VĂN ĐẾN**

Số: 103

Ngày: 10/4/2020

Kính chuyển đ/c:

Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy

Để tiếp tục thực hiện nghiêm Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị quy định "về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân", Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện ủy, thành ủy:

1. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị quy định "về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân"; Công văn số 715-CV/TU, ngày 15/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW; Công văn số 4034-CV/BNCTW ngày 28/5/2019 của Ban Nội chính Trung ương hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy định số 11-QĐi/TW; "Quy chế Bí thư Tỉnh ủy tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân" ban hành kèm theo Quyết định số 1249-QĐ/TU ngày 20/9/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Định kỳ hàng tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm hoặc đột xuất Bí thư huyện ủy, thành ủy phải báo cáo tình hình, kết quả tiếp dân và xử lý, giải quyết những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Qua Ban Nội chính Tỉnh ủy và phải có Phụ lục kèm theo).

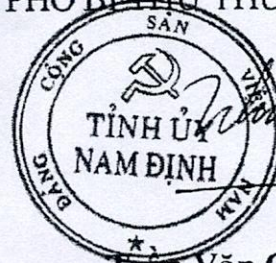
Thời gian báo cáo:

- + Báo cáo tháng: Trước ngày 25 hàng tháng.
- + Báo cáo quý: Trước ngày 25 của tháng cuối quý.
- + Báo cáo năm: Trước ngày 25/12 hàng năm.

Nơi nhận:

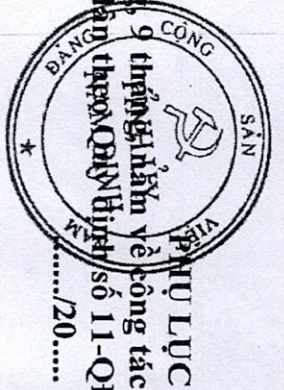
- Như trên,
- Ban Nội chính Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Trần Văn Chung





**Báo cáo tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng ghi nhận về công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý phản ánh, kiến nghị của dân thuộc Quận Thủ Đức số 11-QĐ/TTW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị**  
 ...../20.....

TT	Nội dung	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số	Ghi chú
1	Số lần tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy để nghe phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo				
2	Thời gian của người đứng đầu cấp ủy tiếp dân để nghe phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân (số ngày tiếp)				
3	Số vụ việc người dân phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo	3.1. Số vụ việc do cá nhân người dân, tổ chức phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên			
		3.2. Số vụ việc đồng người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên			
		3.3. Số vụ việc không thuộc thẩm quyền xử lý, giải quyết (hoặc nội dung khác)			
4	Số vụ việc người dân phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đã tiếp, xử lý, giải quyết theo thẩm quyền	4.1. Số vụ việc tiếp nhận đề xử lý theo thẩm quyền			
		+ Số vụ việc đã giải quyết xong			
		+ Số vụ việc đang giải quyết			
		+ Số vụ việc chậm giải quyết, để kéo dài			
5	Số vụ việc hướng dẫn người dân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (vụ việc không thuộc thẩm quyền)	4.2. Số vụ việc chỉ đạo cơ quan thẩm quyền, cấp dưới giải quyết			